

Bản án số: 58/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/3/2025.

Về việc: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vương Thị Khánh Loan

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 2 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2311/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2025/QĐXX-ST ngày 11 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Hoàng O**, sinh năm 2001.

HKTT: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Số I H, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Trần Tuấn A**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: 5, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng **mặt không lý do**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Phạm Thị Hoàng O trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà O và ông Trần Tuấn A tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B vào năm 2022 (theo Giấy chứng

nhận kết hôn số 226/2022 ngày 22/9/2022). Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng về sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, đã nhiều lần vợ chồng hàn gắn nhưng không được. Nay bà O xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, nên bà O yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Trần Tuấn A.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Anh V, sinh ngày 30/03/2023. Ly hôn, bà O có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Trần Tuấn A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Theo bản tự khai ngày 06/01/2025 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Trần Tuấn A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông và bà Phạm Thị Hoàng O tự nguyện đến với nhau vào năm 2022, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng về sau có xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Nay bà O xin ly hôn, ông không đồng ý ly hôn, ông muốn tình cảm vợ chồng hàn gắn gia đình, đồng thời ông là người theo đạo công giáo nên không thể ly hôn được.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Anh V, sinh ngày 30/03/2023. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Ông yêu cầu được thăm con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng.

Việc tuân theo pháp luật của các bên đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự quy định.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Hoàng O là có cơ sở, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà O, giải quyết cho bà O được ly hôn với ông Trần Tuấn A.

Về con chung: Đề nghị giao cho bà O được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Trần Anh V, sinh ngày 30/03/2023. Ông Trần Tuấn A đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, nên đề nghị ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà O và ông Tuấn A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà O và ông Tuấn A xác định không có, nên đề nghị không giải quyết.

- Về án phí HNGĐ-ST: Bà O phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Phạm Thị Hoàng O xin ly hôn với Trần Tuấn A; Cư trú tại: 5, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đối với nguyên đơn bà Phạm Thị Hoàng O đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Tuấn A, đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào **điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228** của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy:

Bà O và ông Tuấn A tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B vào năm 2022 (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 226/2022 ngày 22/9/2022). Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo O trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng về sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, đã nhiều lần vợ chồng hàn gắn nhưng không được. Qua lời khai của ông Tuấn A, ông cũng thừa nhận tình trạng hôn nhân của vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian đầu, nhưng về sau có xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Do vậy, có căn cứ xác định thời gian vợ chồng chung sống và phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không thể giải quyết được là có thật. Nay bà O xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà O yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với ông Tuấn A.

Quá trình tham gia tố tụng và hòa giải, Tòa án đã phân tích, giải thích để bà O suy nghĩ lại việc xin ly hôn với ông Tuấn A nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy

nhiên, bà O xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn với ông Tuấn A, nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Còn ông Tuấn A không đồng ý ly hôn, ông muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và ông là người theo đạo công giáo nên không thể ly hôn được. Điều đó đã nói lên thực tế quan hệ hôn nhân và việc mâu thuẫn vợ chồng giữa bà O và ông Tuấn A đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O, giải quyết cho bà O được ly hôn với ông Tuấn A để trả tự do cho nhau.

[4] Về con chung: Có 01 con chung là Trần Anh V, sinh ngày 30/03/2023. Ly hôn, bà O có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Trần Tuấn A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ. Ông Tuấn A đồng ý giao con chung cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng nếu trường hợp Toà án giải quyết ly hôn và đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà O. Do vậy, chấp nhận giao con chung Trần Anh V cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ông Trần Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) kể từ khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Ông Tuấn A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà O trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung: bà O và ông Tuấn A khai không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: bà O và ông Tuấn A khai không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Phạm Thị Hoàng O phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b **khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228**; Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu “Ly hôn” của bà Phạm Thị Hoàng O.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hoàng O được ly hôn với ông Trần Tuấn A.

2. Về con chung: Có 01 con chung là Trần Anh V, sinh ngày 30/03/2023.

Ly hôn, giao bà Phạm Thị Hoàng O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Anh V. Ông Trần Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) kể từ khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Ông Trần Tuấn A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà Phạm Thị Hoàng O trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

Bà Phạm Thị Hoàng O phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do bà Phạm Thị Hoàng O đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 0004115 ngày 09/10/2024.

Ông Trần Tuấn A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Bà Phạm Thị Hoàng O và ông Trần Tuấn A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày **bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND TP Biên Hòa (1);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- **UBND phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (1);**
- Đường sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

Trần Văn Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

